

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 1213/2026/DS-ST

Ngày: 15/6/2026

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Duy Minh Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thái Thục Hiền

2. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Phương Vy – Thư ký của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Nga – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 5 và ngày 15 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 161/2024/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh, về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1749/2026/QĐXXST-DS ngày 06/5/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2324/2026/QĐST-DS ngày 29/5/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **CÔNG TY TNHH M** (gọi tắt là "Welcome DTC")

Địa chỉ: Số D Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Mã số doanh nghiệp: 0317093010, cấp ngày 21/12/2021, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 11/3/2022, tại Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Moon Y – Tổng giám đốc;

Đại diện hợp pháp: Ông Ngô Phương D; Sinh năm 2003; CCCD số: 089203001404.

Địa chỉ liên hệ: Tầng C, Tòa nhà G, D Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy ủy quyền số 1786/2025UQ-WDTC ngày 01/12/2025.

- Bị đơn: **Ông Dương Thanh V**; Sinh ngày: 25/5/1972;

CMND/CCCD số: 079072001137, cấp ngày 23/3/2016, tại Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú về dân cư.

Nơi cư trú: Số C, Khu phố A, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 14/3/2024 và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, nguyên đơn thông qua đại diện hợp pháp trình bày:

Vào ngày 02/10/2020, ông Dương Thanh V và Công ty T1 (Việt Nam) đã ký Hợp đồng tín dụng số 1675372. Theo đó, Công ty T1 (Việt Nam) cho ông Dương Thanh V vay tiền với các nội dung chủ yếu sau:

Số tiền vay	31.650.000 đồng
Thời hạn	36 tháng
Lãi suất trong hạn	39%/năm
Lãi suất phạt chậm trả	10%/năm (Tính trên dư nợ gốc quá hạn)
Mục đích vay	Tiêu dùng sinh hoạt phục vụ đời sống

Ngày 20/6/2022, Công ty TNHH M (sau đây gọi là Công ty M) đã ký Hợp đồng mua bán nợ số 2731/2022/TTCN/MAFC-WELCOME với Công ty T1 (Việt Nam), theo đó Công ty M mua lại khoản nợ của ông Dương Thanh V theo Hợp đồng tín dụng số 1675372 nêu trên và trở thành chủ nợ mới đối với khoản nợ này.

Kể từ ngày 11/11/2021, ông Dương Thanh V đã không thanh toán theo cam kết mặc dù Công ty M đã thực hiện nhắc nhở nhiều lần. Tổng dư nợ tạm tính đến ngày 15/6/2026, ông Dương Thanh V cần phải thanh toán là: 84.755.078 đồng (Bằng chữ: T mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn không trăm bảy mươi tám đồng), trong đó gồm:

- Nợ gốc: 25.325.508 đồng;
- Nợ lãi (lãi trong hạn + lãi phạt chậm trả): 58.845.205 đồng.

Nguyên đơn thông qua đại diện hợp pháp đề nghị Tòa án giải quyết:

1. Buộc ông Dương Thanh V có nghĩa vụ thanh toán một lần cho Công ty TNHH M Nợ Welcome toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 1675372 sau khi Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Tổng dư nợ tạm tính đến ngày 15/6/2026 là: 84.755.078 đồng, gồm: Nợ gốc 25.325.508 đồng; Nợ lãi 58.845.205 đồng.

2. Kể từ ngày 16/6/2026, nếu ông Dương Thanh V vẫn chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ, ông V vẫn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ.

3. Nguyên đơn xác định chỉ cho cá nhân ông Dương Thanh V vay, không liên quan đến người khác; Do đó, chỉ yêu cầu cá nhân ông V có nghĩa vụ thanh toán nợ, không yêu cầu người khác liên đới chịu trách nhiệm và không đề nghị đưa thêm người tham gia tố tụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ bị đơn đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 17/4/2026 và ngày 05/5/2026, nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do chính đáng. Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn cũng vắng mặt không có lý do chính đáng và không có bất kỳ văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử, thấy rằng:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng:

Trong suốt quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền, trình tự, thủ tục thụ lý; Việc thu thập, đánh giá chứng cứ và triệu tập đương sự tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự tiến hành phiên tòa sơ thẩm theo quy định.

Nguyên đơn thông qua đại diện hợp pháp đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Dương Thanh V đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng, không gửi ý kiến bằng văn bản, vi phạm nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo Khoản 1 Điều 228; xét xử vắng mặt bị đơn theo điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là có căn cứ, đúng quy định.

Về thời hạn giải quyết vụ án, chưa đảm bảo theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Về tư cách chủ thể và hiệu lực hợp đồng:

Hợp đồng tín dụng số 1675372 ngày 02/10/2020 được ký kết giữa Công ty T1 (Việt Nam) và ông Dương Thanh V trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và Bộ luật Dân sự. Hợp đồng có hiệu lực pháp luật.

Hợp đồng mua bán nợ số 2731/2022/TTCN/MAFC-WELCOME ngày 20/6/2022 được ký kết hợp pháp giữa Công ty T1 (Việt Nam) và Công ty M. Công ty M có đủ tư cách nguyên đơn để khởi kiện yêu cầu thu hồi khoản nợ theo quy định của pháp luật dân sự.

Về nghĩa vụ thanh toán và số tiền nợ:

Kể từ ngày 11/11/2021, ông Dương Thanh V không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng, vi phạm quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Số tiền nợ gốc còn lại là 25.325.508 đồng, nợ lãi tính đến ngày 15/6/2026 là 58.845.205 đồng (gồm lãi trong hạn và lãi phạt chậm trả), tổng cộng là 84.755.078 đồng. Việc tính lãi phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng và các quy định của pháp luật.

Về lãi phát sinh sau ngày xét xử:

Hợp đồng tín dụng có thỏa thuận cụ thể về lãi suất quá hạn và lãi phạt chậm trả phù hợp với quy định pháp luật. Yêu cầu tiếp tục tính lãi trên dư nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 16/6/2026 cho đến khi thanh toán xong là có căn cứ pháp luật.

Từ những phân tích trên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M.
- Buộc ông Dương Thanh V thanh toán một lần toàn bộ số nợ gốc và lãi tính đến ngày 15/6/2026 là 84.755.078 đồng; đồng thời tiếp tục chịu lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận kể từ ngày 16/6/2026 đến khi thanh toán xong.
- Buộc bị đơn chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và nghe phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Công ty TNHH M khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông Dương Thanh V thanh toán toàn bộ số nợ gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 1675372 mà Công ty M đã mua lại từ Công ty T1 (Việt Nam). Tranh chấp phát sinh từ quan hệ vay vốn giữa tổ chức tín dụng và cá nhân, do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Dương Thanh V có nơi cư trú hiện nay tại số C đường C, Khu phố A, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 3 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập đến bị đơn ông Dương Thanh V để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng tại cả hai phiên hòa giải ngày 17/4/2026 và ngày 05/5/2026; phiên hòa giải không tiến hành được theo quy định tại Khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn tiếp tục vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ, đúng pháp luật.

Nguyên đơn thông qua đại diện hợp pháp có đơn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử theo đúng quy định.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng mua bán nợ:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định: Ngày 02/10/2020, ông Dương Thanh V và Công ty T1 (Việt Nam) đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 1675372. Theo đó, Công ty T1 (Việt Nam) cho ông Dương Thanh V vay số tiền 31.650.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất trong hạn 39%/năm, lãi suất phạt chậm trả 10%/năm, mục đích vay: Tiêu dùng sinh hoạt phục vụ đời sống.

Hội đồng xét xử xét thấy, Hợp đồng tín dụng số 1675372 được giao kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Bộ luật Dân sự năm 2015. Hợp đồng có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ ràng buộc các bên.

Ngày 20/6/2022, Công ty M ký Hợp đồng mua bán nợ số 2731/2022/TTCN/MAFC-WELCOME với Công ty T1 (Việt Nam), theo đó khoản nợ của ông Dương Thanh V (trong đó có khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số 1675372) được chuyển nhượng hợp pháp. Xét thấy, việc chuyển nhượng khoản phải thu là một giao dịch dân sự hợp pháp theo quy định tại Điều 365 và Điều 366 Bộ luật Dân sự năm 2015. Công ty M trở thành chủ nợ mới có đầy đủ tư cách để khởi kiện yêu cầu ông Dương Thanh V thanh toán khoản nợ.

[3.2] Về hành vi vi phạm nghĩa vụ của bị đơn:

Căn cứ Bảng chiết kê tính lãi và các tài liệu trong hồ sơ, ông Dương Thanh V đã được Công ty T1 (Việt Nam) giải ngân đầy đủ số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng số 1675372. Ông Dương Thanh V đã thực hiện thanh toán được 10 kỳ (từ kỳ 1 đến kỳ 10). Kể từ ngày 11/11/2021 (kỳ thứ 11), ông Dương Thanh V không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng, dẫn đến phát sinh nợ quá hạn. Hành vi này vi phạm nghĩa vụ của bên vay quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.3] Về số tiền nợ và căn cứ xác định:

Mặc dù Tòa án đã tạo đầy đủ điều kiện để bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn vẫn không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ phản đối yêu cầu khởi kiện, không đưa ra yêu cầu phản tố. Hội đồng xét xử xem xét, đánh giá yêu cầu khởi kiện trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án.

Căn cứ Bảng chiết kê tính lãi do Công ty M lập, tính đến ngày 15/6/2026, tổng số tiền ông Dương Thanh V còn nợ là 84.755.078 đồng (Bằng chữ: T mươi

bốn triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn không trăm bảy mươi tám đồng), trong đó: **Nợ gốc: 25.325.508 đồng; Nợ lãi (lãi trong hạn + lãi phạt chậm trả): 58.845.205 đồng. Tổng cộng: 84.755.078 đồng.**

Xét thấy, lãi suất trong hạn 39%/năm và lãi suất phạt chậm trả 10%/năm đã được các bên thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng, phù hợp với quy định tại Điều 13 Thông tư số 43/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định cho vay tiêu dùng của công ty tài chính. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ pháp luật, cần được chấp nhận.

[4] Về lãi phát sinh sau thời điểm xét xử:

Hợp đồng tín dụng số 1675372 đã thỏa thuận cụ thể về lãi suất quá hạn và lãi phạt chậm trả, phù hợp với quy định pháp luật. Do bị đơn chưa thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ, ông Dương Thanh V phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa thanh toán, kể từ ngày 16/6/2026 cho đến khi thanh toán xong, theo đúng mức lãi suất và phương thức tính lãi đã thỏa thuận trong hợp đồng. Yêu cầu của nguyên đơn về lãi phát sinh sau ngày xét xử có căn cứ pháp luật, cần được chấp nhận.

[5] Về ý kiến của Viện kiểm sát:

Quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ để chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Căn cứ giá trị tranh chấp là 84.755.078 đồng, án phí dân sự sơ thẩm ông Dương Thanh V phải chịu là 4.237.753 đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13;

Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 01/7/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Điều 3 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

Áp dụng:

- Điều 365, Điều 366, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13;

- Điều 13 Thông tư số 43/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định cho vay tiêu dùng của công ty tài chính;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M.

2. Buộc ông Dương Thanh V (Sinh ngày 25/5/1972; CMND/CCCD số: 079072001137; Nơi cư trú: số C đường C, Khu phố A, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh) phải thanh toán một lần cho Công ty TNHH M Nợ Welcome toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng số 1675372 ngày 02/10/2020, tổng cộng đến ngày 15/6/2026 là:

Nợ gốc	25.325.508 đồng
Nợ lãi (lãi trong hạn + lãi phạt chậm trả)	58.845.205 đồng
TỔNG CỘNG	84.755.078 đồng

(Bằng chữ: Tám mươi bốn triệu một trăm bảy mươi nghìn bảy trăm mười ba đồng)

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Kể từ ngày 16/6/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ, ông Dương Thanh V còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh trên dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất và phương thức tính lãi đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 1675372 ngày 02/10/2020.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Ông Dương Thanh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 4.237.753 đồng (Bốn triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng). Nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4.2. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.400.451 đồng (Một triệu bốn trăm nghìn bốn trăm năm mươi một đồng) theo biên lai thu tiền số 0000943 ngày 26/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh). Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS Khu vực 10-TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- VKSND Khu vực 10-TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lương Duy Minh Chính

